

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Ngành học: **Kinh doanh quốc tế** (International Business)

Trình độ: Đại học chất lượng cao Mã ngành: 7340120 Hệ đào tạo: Chính quy

Thời gian đào tạo: 4,5 năm Danh hiệu: Cử nhân

Đơn vị quản lý: Bộ môn Kinh doanh quốc tế - Khoa Kinh tế

1. Mục tiêu đào tạo

Mục tiêu chung của Chương trình đào tạo cử nhân CLC ngành KDQT là giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có năng lực làm việc tốt, có kỹ năng tốt, kiến thức chuyên môn sâu, thái độ và tác phong chuyên nghiệp trong công việc để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển của xã hội và hội nhập quốc tế.

- a. Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có lòng yêu nước, yêu ngành yêu nghề, có sức khỏe, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- b. Có ý chí lập thân, lập nghiệp, có đạo đức nghề nghiệp với tư duy năng động, sáng tạo.
- c. Có tinh thần trách nhiệm, tác phong văn minh, chuyên nghiệp, có ý thức tổ chức kỷ luật, rèn luyện sức khoẻ để phục vụ ngành nghề.
- d. Có trình độ chuyên môn cao để góp phần đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương, khu vực ĐBSCL, cả nước và cả thị trường lao động quốc tế.
- e. Cử nhân chất lượng cao ngành KDQT trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, có kiến thức chuyên môn sâu, có khả năng tự nghiên cứu, xây dựng, tổ chức và thực hiện/ tư vấn các phương án chiến lược kinh doanh quốc tế.
- f. Người học có khả năng chủ động và thích ứng tốt trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế quốc tế của cả nước nói chung và ở ĐBSCL nói riêng.

2. Chuẩn đầu ra

Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có kiến thức, kỹ năng và thái độ như sau:

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khôì kiến thức giáo dục đại cương

- a. Hiểu rõ chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước; nhận thức được đạo đức nghề nghiệp, tinh trung thực trong công việc, trách nhiệm với xã hội và bản thân, và khả năng làm việc độc lập, các kỹ năng thích ứng nhanh với công việc.
- b. Nắm vững các kiến thức cơ bản về khoa học chính trị như chủ nghĩa Mác - Lênin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; tư tưởng Hồ Chí Minh; có các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- c. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên như toán học, xác suất thống kê, đáp ứng việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.
- d. Nắm vững kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, có hiểu biết thông thạo Anh ngữ và kiến thức cơ bản về tin học.

2.1.2 Khôì kiến thức cơ sở ngành

- a. Có kiến thức về những nguyên lý cơ bản trong kinh tế nhằm phục vụ cho việc phân tích và giải thích các vấn đề kinh tế tầm vĩ mô và vi mô.
- b. Có kiến thức cơ bản về thống kê, phương pháp nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh/quốc tế.

- c. Có kiến thức cơ bản về kinh tế quốc tế trong nền kinh tế toàn cầu; Có khả năng sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) trong giao tiếp và đàm phán với các đối tác nước ngoài.
- d. Có kiến thức cơ bản về luật kinh tế, kế toán, tài chính và marketing làm nền tảng cho việc tổ chức/tham gia vào các hoạt động kinh doanh nói chung.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Hiểu được các vấn đề về luật kinh tế và thương mại quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh quốc tế (gồm xuất nhập khẩu, nhượng quyền, hợp đồng, dự án trao tay, liên doanh, sáp nhập/mua lại, đầu tư mới), nghiệp vụ thanh toán trong kinh doanh quốc tế và quản trị tài chính quốc tế.
- b. Hiểu các chính sách thương mại quốc tế, các hiệp định thương mại quốc tế, pháp luật và thông lệ quốc tế.
- c. Nhận dạng, so sánh và phân tích được các phương thức kinh doanh quốc tế và loại hình đầu tư quốc tế của công ty.
- d. Nhận biết và phân tích được vai trò của môi trường kinh doanh trong hoạt động kinh doanh quốc tế.
- e. Vận dụng được các nghiệp vụ thanh toán trong kinh doanh quốc tế, nghiệp vụ ngoại thương, hoạt động logistics, và kỹ thuật đàm phán vào hoạt động kinh doanh quốc tế.
- f. Xây dựng, phân tích được dự án đầu tư, ra quyết định và quản lý dự án đầu tư quốc tế, phân tích được hoạt động kinh doanh của công ty.
- g. Ứng dụng được kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành vào công tác nghiên cứu khoa học; và ứng dụng được các kiến thức này để theo học các ngành kinh tế khác và bậc học cao hơn.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

- a. Thực hiện nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, thanh toán quốc tế, và thực hiện nghiệp vụ vận tải và bảo hiểm trong ngoại thương.
- b. Vận dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong nghiên cứu, khám phá và giải quyết các vấn đề kinh tế/kinh doanh.
- c. Xây dựng và triển khai thực hiện, kiểm soát, và hoạch định chiến lược kinh doanh (quốc tế) trong tất cả các loại hình doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp/công ty có vốn đầu tư nước ngoài.
- d. Tự thu thập, phân tích và xử lý thông tin, nghiên cứu thị trường và đề xuất các giải pháp/chính sách ngoại thương.
- e. Vận dụng kiến thức về luật thương mại quốc tế và đầu tư, pháp luật trong hoạt động xuất nhập khẩu để xây dựng và thực thi các chính sách và chiến lược kinh doanh của công ty.
- f. Vận dụng kiến thức về thương mại điện tử phục vụ cho hoạt động kinh doanh quốc tế.

2.2.2 Kỹ năng mềm

- a. Có khả năng giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh; có khả năng sử dụng thành thạo tin học văn phòng.
- b. Có kỹ năng giao tiếp tốt như xác định các tình huống giao tiếp, giải thích một chiến lược giao tiếp; thực hiện được bài thuyết trình bằng điện tử, sử dụng các hình thức giao tiếp điện tử khác nhau (thư điện tử, trang web, hội thảo online.) Có khả năng chuẩn bị thuyết trình và phương tiện hỗ trợ với ngôn ngữ, phong cách, thời gian, và cấu trúc phù hợp; sử dụng các phương tiện giao tiếp không lời có hiệu quả (cử chỉ, ánh mắt, tư thế); lựa chọn trả lời các câu hỏi một cách phù hợp và hiệu quả.

- c. Có khả năng làm việc theo nhóm hiệu quả:
- Hiểu được các giai đoạn của việc thành lập nhóm; tóm tắt nhiệm vụ và các quy trình hoạt động nhóm; xác định các vai trò và trách nhiệm của các thành viên trong nhóm; giải thích các mục tiêu, nhu cầu, và đặc tính (cách làm việc, sự khác biệt về văn hóa) của từng cá nhân thành viên trong nhóm; làm rõ các điểm mạnh và điểm yếu của nhóm; chỉ ra các quy tắc liên quan đến tính bảo mật, bổn phận của từng thành viên trong nhóm.
 - Khái quát các mục tiêu và công việc cần làm, đưa ra kế hoạch và tạo điều kiện cho các cuộc họp nhóm có hiệu quả; xác định các nguyên tắc của nhóm, lập kế hoạch, lên chương trình và thực hiện một đề án, đưa ra các giải pháp cho các vấn đề (tính sáng tạo và đưa ra quyết định), làm việc tốt trong nhiều loại nhóm khác nhau (nhóm trong ngành, liên ngành, ...).

2.3 Thái độ

- a. Thể hiện ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau.
- b. Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, thể hiện sự tôn trọng và ý thức chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý.
- c. Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình.
- d. Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc khoa học, có thái độ cầu tiến và vượt khó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác.
- e. Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân.
- f. Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp cử nhân CLC ngành KDQT có khả năng làm việc tại các vị trí như: chuyên viên biên soạn hợp đồng, đàm phán trong kinh doanh xuất nhập khẩu, phân tích chiến lược kinh doanh xuất nhập khẩu, logistics, khai thác cảng, phân tích quản lý tài chính quốc tế, quản lý bán hàng, giám sát bán hàng, quản lý dự án đầu tư quốc tế, quản lý kinh doanh, quản lý nhân sự... tại các công ty đa quốc gia, công ty xuất nhập khẩu và kinh doanh, các công ty khai thác vận tải biển, hải quân, các ngân hàng, giảng viên và nhà nghiên cứu tại các tổ chức đào tạo trong và ngoài nước, các tổ chức nghiên cứu, các tổ chức chính phủ và phi chính phủ có liên quan đến ngoại giao, giao thương quốc tế.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

Cử nhân CLC ngành KDQT sau khi tốt nghiệp có thể học thêm một bằng đại học khác cùng nhóm ngành hoặc học tiếp cao học (Thạc sĩ) hoặc nghiên cứu sinh (Tiến sĩ) ở các trường đại học trong và ngoài nước thuộc nhóm ngành kinh tế. Cụ thể, sinh viên tốt nghiệp ngành KDQT có thể theo học các ngành thạc sĩ Quản lý kinh tế, Kinh tế quốc tế, KDQT, Quản trị kinh doanh, hoặc ngành quản trị trong và ngoài nước. Đặc biệt, *sinh viên tốt nghiệp có thể theo học thạc sĩ nghiên cứu (Master by research) thuộc các ngành nhóm ngành kinh tế tại các trường đại học nước ngoài. Đây là cơ hội mở ra rất lớn để sinh viên tiếp tục theo đuổi nghiên cứu sinh tại các trường đại học danh tiếng trên thế giới. Đây cũng là điểm khác biệt giữa CTĐT CLC ngành KDQT và CTĐT đại trà. Bên cạnh đó, học viên có cơ hội theo học nghiên*

cứu sinh các ngành quản trị, KDQT, kinh tế quốc tế, hoặc các ngành thuộc nhóm ngành kinh tế khác tại các trường đại học trong và ngoài nước.

5. Các chương trình, tài liệu, chuẩn quốc tế mà đơn vị tham khảo

- Chuẩn đầu ra (cấp III) trường đại học kinh tế, Đại học quốc gia Hà Nội
- Các tài liệu hướng dẫn xây dựng chuẩn đầu ra theo đề cương CDIO.

6. Chương trình đào tạo

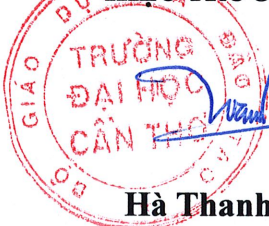
TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương									
1	QP006	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP007	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		30		Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP008	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	3	3		20	65	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP009	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	1	1		10	10	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90		I, II, III
6	FL001H	Nghe và Nói 1 (*)	3	3		45			I, II
7	FL002H	Nghe và Nói 2 (*)	2	2		30			I, II
8	FL003H	Đọc hiểu 1 (*)	2	2		30			I, II
9	FL004H	Đọc hiểu 2 (*)	2	2		30			I, II
10	FL005H	Viết học thuật 1 (*)	2	2		30			I, II
11	FL006H	Viết học thuật 2 (*)	2	2		30			I, II
12	FL007H	Ngữ pháp ứng dụng (*)	3	3		45			I, II
13	FL008H	Ngữ âm thực hành (*)	2	2		30			I, II
14	FL009H	Kỹ năng thuyết trình (*)	2	2		30			I, II
15	ML009	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	2		30			I, II, III
16	ML010	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	3		45		ML009	I, II, III
17	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML010	I, II, III
18	ML011	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		45		ML006	I, II, III
19	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30			I, II, III
20	ML007	Logic học đại cương	2			30			I, II, III
21	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I, II, III
22	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30			I, II, III
23	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I, II, III
24	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I, II, III
25	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I, II, III
26	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			I, II, III
27	TN034	TT.Tin học căn bản (*)	2	2			60		I, II, III
28	KT052H	Xác suất thống kê	2	2		30			I, II, III
Cộng: 30 TC (Bắt buộc 25 TC; Tự chọn: 5 TC)									
Khối kiến thức cơ sở ngành									
29	KT101H	Toán kinh tế	3	3		45			I, II
30	KT102H	Anh văn chuyên ngành KDQT	3	3		45			I, II
31	KT103H	Kinh tế vi mô	3	3		45			I, II
32	KT104H	Kinh tế vĩ mô	3	3		45			I, II
33	KL369	Luật kinh tế	2	2		30			I, II
34	KT103	Quản trị học	3	3		45			I, II
35	KT107H	Marketing căn bản	3	3		45			I, II
36	KT108H	Nguyên lý kế toán	3	3		45			I, II
37	KT110H	Thống kê trong kinh doanh	3	3		45			I, II
38	KT111H	Kinh tế quốc tế	3	3		45		KT103H; KT104H	I, II
39	KT111	Tài chính-Tiền tệ	3			45			I, II
40	KT330	Thuế	3		6	45			I, II
41	KT205	Quy hoạch tuyến tính	3			45			I, II
42	KT115H	Quản trị nguồn nhân lực	3			45			I, II
Cộng: 35 TC (Bắt buộc 29 TC; Tự chọn: 6 TC)									
Khối kiến thức chuyên ngành									
43	KT301H	Đầu tư trực tiếp nước ngoài, thương mại và địa lý	3	3		45		KT111H	I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
44	KT135	Thương mại điện tử	3	3		45			I, II
45	KT303H	Luật thương mại quốc tế	3	3		45		KL369	I, II
46	KT304H	Hệ thống thông tin kinh tế toàn cầu	2	2		30			I, II
47	KT305H	Đạo đức trong kinh doanh quốc tế	2	2		30			I, II
48	KT306H	Pháp luật về hợp đồng thương mại quốc tế	2	2		30			III
49	KT307H	Phương pháp nghiên cứu trong KDQT	3	3		45		KT110H	I, II
50	KT308H	Kinh tế đối ngoại	3	3		45		KT111H	I, II
51	KT309H	Chiến lược kinh doanh quốc tế	3	3		45			I, II
52	KT310H	Logistics	3	3		45			I, II
53	KT311H	Kiến tập nghiệp vụ logistics và ngoại thương	1	1			30	KT310H	I, II
54	KT312H	Seminar chuyên ngành KDQT 1	1	1			30	KT307H	I, II
55	KT313H	Pháp luật về các hiệp định thương mại	2	2		30			I, II
56	KT314H	Thanh toán trong kinh doanh quốc tế	3	3		45			I, II
57	KT315H	Kiến tập nghiệp vụ thanh toán quốc tế và hoạt động xuất nhập khẩu	1	1			30	KT314H	I, II
58	KT316H	Quản trị đa văn hóa	3	3		45			I, II
59	KT317H	Nghiệp vụ ngoại thương 1	3	3		45			I, II
60	KT318H	Quản trị tài chính các công ty đa quốc gia	3	3		45			I, II
61	KT319H	Nghiệp vụ ngoại thương 2	3	3		45		KT317H	I, II
62	KT320H	Kiến tập nghiệp vụ ngoại thương 2	1	1			30	KT319H	I, II
63	KT321H	Seminar chuyên ngành KDQT 2	1	1			30	KT307H	I, II
64	KT322H	Thẩm định dự án	2			30			I, II
65	KT323H	Kế toán quản trị	3			45			I, II
66	KT360	Quản trị sản xuất	3			45			I, II
67	KT325H	Nghiên cứu Marketing	3			45			I, II
68	KT326H	Kế toán quốc tế	3			45			I, II
69	KT327H	Quản trị đổi mới/cải tiến các công ty đa quốc gia	2		15	30			I, II
70	KT328H	Kinh doanh và chuỗi giá trị toàn cầu	2			30			I, II
71	KT329H	Marketing quốc tế	3			45			I, II
72	KT330H	Khởi sự doanh nghiệp	3			45			I, II
73	KT331H	Phân tích hoạt động kinh doanh	3			45			I, II
74	KT332H	Hành vi tổ chức	3			45			I, II
75	KT333H	Mô phỏng tình huống kinh doanh	3			45			I, II
76	KT501H	Luận văn tốt nghiệp KDQT	10	10			300	> 105TC	I, II
Cộng: 74 TC (Bắt buộc 59 TC; Tự chọn: 15 TC)									
Khối kiến thức bổ trợ									
77	KT053H	Kỹ năng giao tiếp	1	1		10	10		I, II
78	KT054H	Kỹ năng lãnh đạo	1	1		10	10		I, II
79	KT056H	Kỹ năng giải quyết vấn đề	1	1		10	10		I, II
80	KT058H	Kỹ năng làm việc nhóm	1	1		10	10		III
81	KT059H	Kỹ năng đàm phán và thương lượng	1	1		10	10		I, II
82	KT061H	Kỹ năng xin việc	1	1		10	10		I, II
Cộng: 6 TC (Bắt buộc 6 TC; Tự chọn: 0 TC)									
Tổng cộng: 145 TC (Bắt buộc 120 TC; Tự chọn: 25 TC)									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường Đại học Cần Thơ hoặc học tích lũy.

Ngày 09 tháng 01 năm 2018

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG



Hà Thanh Toàn

HỘI ĐỒNG KH và ĐT
CHỦ TỊCH

Lê Việt Dũng

KHOA KINH TẾ
TRƯỞNG KHOA

Võ Thành Danh

